

Qui tắc chung về bảo hiểm hàng hoá Vận chuyển bằng đường biển (QTCB2004)

(Ban hành kèm theo quyết định số 1195/2004/QĐ/TGD ngày 10.5.2004
của Tổng Giám Đốc Tổng Công Ty Bảo Hiểm Việt Nam)

Chương I

Những qui định chung

Điều 1

Qui tắc chung này áp dụng cho việc bảo hiểm hàng hoá vận chuyển bằng đường biển bao gồm giá trị hàng hoá, lãi ước tính nếu có, phí bảo hiểm, cước phí và các chi phí khác liên quan. Qui tắc này còn có thể áp dụng cho cả việc bảo hiểm hàng hoá vận chuyển nối tiếp bằng đường bộ, đường sông hoặc đường không.

Chương II

Những rủi ro được bảo hiểm

Điều 2 - Điều kiện bảo hiểm

Hợp đồng bảo hiểm có thể được ký kết theo một trong những điều kiện sau đây.:

Điều kiện A

Theo điều kiện này, Người bảo hiểm chịu trách nhiệm về mọi rủi ro gây ra mất mát, hư hỏng cho hàng hoá được bảo hiểm, trừ những trường hợp đã qui định loại trừ ở Chương III dưới đây.

Điều kiện B

Trừ những trường hợp đã qui định loại trừ ở Chương III dưới đây, theo điều kiện này, Người bảo hiểm chịu trách nhiệm đối với:

B.1 Những mất mát, hư hỏng xảy ra cho hàng hoá được bảo hiểm có thể qui hợp lý cho các nguyên nhân sau:

- B.1.1 Cháy hoặc nổ;
- B.1.2 Tàu hay thuyền bị mắc cạn, đắm hoặc lật úp;
- B.1.3 Phương tiện vận chuyển đường bộ bị lật đổ hoặc trật bánh;
- B.1.4 Tàu đâm va nhau hoặc tàu, thuyền hay phương tiện vận chuyển đâm va phải bất kỳ vật thể gì bên ngoài không kể nước;
- B.1.5 Dỡ hàng tại một cảng nơi tàu gặp nạn;
- B.1.6 Động đất, núi lửa phun hoặc sét đánh;

B.2 Những mất mát, hư hỏng xảy ra đối với hàng hoá được bảo hiểm do các nguyên nhân sau:

- B.2.1 Hy sinh tổn thất chung;
- B.2.2 Ném hàng khỏi tàu hoặc hàng bị nước cuốn khỏi tàu;
- B.2.3 Nước biển, nước hồ hay nước sông chảy vào tàu, thuyền, hầm hàng, phương tiện vận chuyển, công-ten-nơ hoặc nơi chứa hàng;

B.3 Tổn thất toàn bộ của bất kỳ kiện hàng nào rơi trong khi đang xếp hàng lên hay đang dỡ hàng khỏi tàu hoặc thuyền.

B.4 Hàng hoá được bảo hiểm bị mất do tàu hoặc phương tiện chở hàng mất tích.

Điều kiện C

Trừ những trường hợp qui định loại trừ ở Chương III dưới đây, theo điều kiện này Người bảo hiểm chịu trách nhiệm đối với:

C.1 Những mất mát, hư hỏng xảy ra cho hàng hoá được bảo hiểm có thể qui hợp lý cho các nguyên nhân sau:

- C.1.1 Cháy hoặc nổ;
- C.1.2 Tàu hay thuyền bị mắc cạn, đắm hoặc lật úp;
- C.1.3 Phương tiện vận chuyển đường bộ bị lật đổ, hoặc trật bánh;
- C.1.4 Tàu đâm va nhau hoặc tàu, thuyền hay phương tiện vận chuyển đâm va phải bất kỳ vật thể gì bên ngoài không kể nước;
- C.1.5 Dỡ hàng tại một cảng nơi tàu gặp nạn;

C.2 Những mất mát, hư hỏng xảy ra cho hàng hoá được bảo hiểm do các nguyên nhân sau gây ra:

- C.2.1 Hy sinh tổn thất chung;
- C.2.2 Ném hàng khỏi tàu;

C.3 Hàng hoá được bảo hiểm bị mất do tàu hoặc phương tiện chở hàng mất tích.

Điều 3 - Điều khoản Tồn thất chung

Hợp đồng bảo hiểm này bảo hiểm cho các chi phí tồn thất chung và chi phí cứu hộ được điều chỉnh hay xác định bằng hợp đồng chuyên chở và/hoặc theo luật pháp và tập quán hiện hành, đã chỉ ra nhằm tránh hay liên quan đến việc tránh khỏi tổn thất có thể xảy ra do bất kỳ nguyên nhân gì trừ những trường hợp đã loại trừ tại Chương III của Quy tắc này hay những trường hợp loại trừ khác qui định trong hợp đồng bảo hiểm. Tuy nhiên, khi có tổn thất chung Người được bảo hiểm cần hỏi ý kiến Người bảo hiểm trước khi kê khai và ký cam kết tổn thất chung.

Điều 4- Điều khoản " Tàu đắm và nhau hai bên cùng có lỗi "

Phân trách nhiệm thuộc điều khoản " Tàu đắm và nhau hai bên cùng có lỗi" ghi trong hợp đồng vận chuyển được coi như là một loại tổn thất thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Người bảo hiểm. Trường hợp chủ tàu khiếu nại theo điều khoản đó thì Người được bảo hiểm có trách nhiệm thông báo cho Người bảo hiểm biết. Người bảo hiểm dành quyền bảo vệ Người được bảo hiểm, chống lại việc khiếu nại của chủ tàu và tự chịu các phí tổn.

Điều 5:

Trong trường hợp hàng hoá được bảo hiểm theo điều kiện "B" hay "C", nếu Người được bảo hiểm yêu cầu thì Người bảo hiểm có thể nhận trách nhiệm bảo hiểm thêm một hay nhiều loại rủi ro phụ dưới đây với điều kiện phải trả thêm phí bảo hiểm theo thoả thuận:

- Rủi ro trộm cắp và/ hoặc không giao hàng.
- Tổn thất do những hành vi ác ý hay phá hoại gây ra.
- Hư hại do nước mưa, nước ngọt, do đọng hơi nước và hấp hơi nóng.
- Va đập phải hàng hoá khác.
- Gỉ và ô xi hoá.
- Vỡ, cong và/hoặc bẹp.
- Rò, rỉ và/hoặc thiếu hụt hàng hoá.
- Hư hại do móc cầu hàng.
- Dây bần do dầu và/hoặc mỡ.
- Những rủi ro phụ khác tương tự.

Điều 6

Người bảo hiểm không chịu trách nhiệm bồi thường những mất mát, hư hỏng xảy ra cho hàng hoá xếp trên boong tàu trái với tập quán thương mại. Đối với hàng xếp trên boong phù hợp với tập quán thương mại chỉ có thể được bảo hiểm theo điều kiện "C", trừ khi có thoả thuận khác.

Điều 7

Nếu theo tập quán địa phương cần phải sử dụng sà lan hoặc các phương tiện vận chuyển khác để chuyên chở hàng hoá được bảo hiểm từ tàu biển vào bờ hoặc ngược lại thì Người bảo hiểm cũng sẽ chịu trách nhiệm đối với rủi ro về hàng hoá chở trên sà lan như đã ghi trong điều 2,3,4 và 23 quy tắc này với điều kiện Người được bảo hiểm phải thông báo trước cho Người bảo hiểm biết về những thay đổi đó và phải nộp thêm phí bảo hiểm theo thoả thuận. Tuy nhiên, qui định này không bao gồm trường hợp dùng sà lan vào việc chứa hàng ngoài quá trình vận chuyển bình thường.

Chương III

Loại trừ bảo hiểm

Điều 8 - Điều khoản loại trừ chung

Trong mọi trường hợp Người bảo hiểm không chịu trách nhiệm đối với:

- 8.1 Những mất mát, hư hỏng hay chi phí được quy là do việc làm xấu cố ý của Người được bảo hiểm.
- 8.2 Hàng hoá được bảo hiểm bị rò chảy thông thường, hao hụt trọng lượng hay giảm thể tích thông thường, hoặc hao mòn tự nhiên.
- 8.3 Những mất mát, hư hỏng hoặc chi phí phát sinh do việc đóng gói hoặc chuẩn bị cho hàng hoá được bảo hiểm không đầy đủ hoặc không thích hợp và do việc xếp hàng hỏng lên tàu (theo chủ ý của điều 8.3 này, việc "đóng gói" sẽ được coi là bao gồm cả việc xếp hàng vào "Công-ten-nơ" hoặc "kiện gỗ" nhưng chỉ khi nào việc xếp hàng đó được thực hiện trước khi hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực hoặc tiến hành bởi Người được bảo hiểm hoặc những người làm công cho họ).

- 8.4 Những mất mát, hư hỏng hay chi phí do khuyết tật vốn có hoặc do tính chất riêng của loại hàng được bảo hiểm.
- 8.5 Những mất mát, hư hỏng hay chi phí có nguyên nhân trực tiếp do chậm trễ, dù chậm trễ xảy ra là do một rủi ro được bảo hiểm (trừ những chi phí được bồi thường theo điều 3 quy tắc này).
- 8.6 Những mất mát, hư hỏng hay chi phí phát sinh do chủ tàu, người quản lý, người thuê tàu hay người điều hành tàu không trả được nợ hoặc thiếu thốn về tài chính gây ra.
- 8.7 Những mất mát, hư hỏng hay chi phí phát sinh từ việc sử dụng bất kỳ một loại vũ khí chiến tranh gì có sử dụng năng lượng nguyên tử, hạt nhân và/hoặc phản ứng hạt nhân, phóng xạ hoặc tương tự.
- 8.8 Hàng hoá hay một bộ phận của hàng hoá bị hư hại hay bị phá huỷ có chủ tâm do hành động sai lầm của bất kỳ người nào gây ra. Điều 8.8 này không áp dụng trong trường hợp bảo hiểm theo điều kiện "A".
- 8.9 Xếp hàng quá tải (đối với hàng chở nguyên chuyến) hoặc xếp hàng sai qui cách, không đảm bảo an toàn cho hàng hoá khi vận chuyển.

Điều 9- Điều khoản loại trừ tàu không đủ khả năng đi biển và không thích hợp cho việc chuyên chở

- 9.1 Trong mọi trường hợp Người bảo hiểm không chịu trách nhiệm đối với những mất mát, hư hỏng hay chi phí phát sinh do tàu hoặc thuyền không đủ khả năng đi biển và do tàu, thuyền, phương tiện vận chuyển hoặc công- ten- nơ không thích hợp cho việc chuyên chở hàng an toàn nếu Người được bảo hiểm hay những người làm công cho họ được biết riêng về trạng thái không đủ khả năng đi biển hay không thích hợp đó vào thời gian hàng hoá được bảo hiểm được xếp vào các phương tiện trên.
- 9.2 Người bảo hiểm bỏ qua mọi trường hợp vi phạm những cam kết ngụ ý tàu đủ khả năng đi biển và thích hợp cho việc chuyên chở đối tượng được bảo hiểm tới nơi đến, trừ khi Người được bảo hiểm hoặc người làm công cho họ được biết riêng về trạng thái không đủ khả năng đi biển hay không thích hợp đó.

Điều 10 - Điều khoản loại trừ chiến tranh

Trừ khi có thoả thuận khác, Người bảo hiểm sẽ không chịu trách nhiệm đối với những mất mát hư hỏng hay chi phí gây ra bởi:

- 10.1 Chiến tranh, nội chiến, cách mạng khởi nghĩa, phản loạn hoặc quần chúng nổi dậy khi xảy ra những biến cố này hoặc do bất kỳ hành động thù địch nào khác của một thể lực tham chiến hay chống lại thể lực đó.
- 10.2 Việc chiếm, bắt giữ, cầm giữ tài sản hoặc kiểm chế (trừ khi do cướp biển trong trường hợp đang áp dụng điều kiện "A") và hậu quả hay bất kỳ mưu toan nào phát sinh từ những sự việc này.
- 10.3 Mìn, thủy lôi, bom hay những vũ khí chiến tranh khác đang trôi dạt.

Điều 11 - Điều khoản loại trừ đình công

Trừ khi có thoả thuận khác, Người bảo hiểm sẽ không chịu trách nhiệm đối với những mất mát, hư hỏng hay chi phí:

- 11.1 Do những người đình công hay công nhân bị cấm xưởng gây ra hoặc do những người tham gia các vụ gây rối trong lao động, làm náo loạn hoặc bạo động gây ra.
- 11.2 Phát sinh từ những cuộc đình công, cấm xưởng những vụ gây rối trong lao động, phản loạn hoặc bạo động.
- 11.3 Do bất kỳ kẻ khủng bố nào hoặc do bất kỳ người nào đang hành động vì một lý do chính trị nào gây ra.

Chương IV Thời hạn bảo hiểm

Điều 12 - Điều khoản vận chuyển

- 12.1 Trách nhiệm bảo hiểm bắt đầu có hiệu lực từ khi hàng hoá được bảo hiểm rời kho hoặc nơi chứa hàng tại địa điểm ghi trong hợp đồng bảo hiểm để bắt đầu vận chuyển và tiếp tục có hiệu lực trong suốt quá trình vận chuyển bình thường. Trách nhiệm bảo hiểm kết thúc tại một trong số các thời điểm sau đây, tùy theo trường hợp nào xảy đến trước:
 - 12.1.1 Khi giao hàng vào kho của người nhận hàng hay kho hoặc nơi chứa hàng cuối cùng khác tại nơi đến có tên trong hợp đồng bảo hiểm.
 - 12.1.2 Khi giao hàng vào bất kì kho hay nơi chứa hàng nào khác, dù trước khi tới hay tại nơi nhận ghi trong hợp đồng bảo hiểm mà Người được bảo hiểm chọn dùng làm:
 - 12.1.2.1 Nơi chứa hàng ngoài quá trình vận chuyển bình thường hoặc
 - 12.1.2.2 Nơi chia hay phân phối hàng

- 12.1.3 Khi hết hạn 60 ngày sau khi hoàn thành việc dỡ hàng hoá được bảo hiểm khỏi tàu biển tại cảng dỡ hàng cuối cùng ghi trên đơn bảo hiểm.
- 12.2 Nếu sau khi dỡ hàng khỏi tàu biển tại cảng dỡ hàng cuối cùng, nhưng trước khi kết thúc bảo hiểm, hàng hoá được gửi tới một nơi nhận hàng không đúng với địa danh nhận hàng ghi trong đơn bảo hiểm thì bảo hiểm này trong khi giữ nguyên hiệu lực theo qui định kết thúc nói trên, sẽ không mở rộng giới hạn quá lúc bắt đầu vận chuyển tới một nơi nhận hàng khác như vậy.
- 12.3 Bảo hiểm này giữ nguyên hiệu lực (phụ thuộc vào qui định về kết thúc hiệu lực bảo hiểm nói trên và qui định trong điều 13 dưới đây) trong khi bị chậm trễ ngoài khả năng kiểm soát của Người được bảo hiểm, khi tàu chạy chệch hướng bất kỳ, khi dỡ hàng bắt buộc, xếp lại hàng hoặc chuyển tải và trong khi có bất kỳ thay đổi nào về hành trình xuất phát từ việc thực hiện một quyền tự do mà hợp đồng chuyển chở đã giành cho chủ tàu hoặc người thuê tàu.

Điều 13 - Điều khoản kết thúc hợp đồng vận chuyển

Nếu do những tình huống ngoài khả năng kiểm soát của Người được bảo hiểm mà hợp đồng vận chuyển lại kết thúc tại một cảng hay một nơi không đúng với địa danh nơi nhận ghi trên đơn bảo hiểm hoặc việc vận chuyển được kết thúc theo cách khác trước khi giao hàng như qui định của điều 12 trên đây thì hiệu lực bảo hiểm cũng sẽ kết thúc trừ khi Người được bảo hiểm báo ngay bằng văn bản cho Người bảo hiểm yêu cầu tiếp tục bảo hiểm khi đó bảo hiểm này sẽ vẫn duy trì hiệu lực với điều kiện Người được bảo hiểm phải trả thêm phí bảo hiểm nếu có yêu cầu, hoặc

- 13.1 Cho tới khi hàng được bán và được giao tại cảng hoặc nơi đó trừ khi có thoả thuận riêng khác, cho tới khi hết hạn 60 ngày sau khi hàng bảo hiểm đến cảng hay nơi đó, tùy theo trường hợp nào đến trước, hoặc
- 13.2 Nếu hàng hoá được gửi đi trong phạm vi 60 ngày đó (hoặc bất kỳ phạm vi mở rộng nào đã thoả thuận) để tới nơi nhận hàng có tên ghi trong đơn bảo hiểm hay tới bất kỳ nơi nhận hàng nào khác cho tới khi kết thúc bảo hiểm theo những qui định của điều 12 ở trên.

Điều 14 - Điều khoản thay đổi hành trình

Sau khi bảo hiểm này bắt đầu có hiệu lực, nếu Người được bảo hiểm thay đổi nơi đến thì bảo hiểm này vẫn giữ nguyên hiệu lực với điều kiện Người được bảo hiểm phải thông báo ngay cho Người bảo hiểm biết với phí bảo hiểm và những điều kiện bảo hiểm được thoả thuận.

Chương V Ký kết hợp đồng bảo hiểm

Điều 15

- 15.1 Khi có nhu cầu bảo hiểm, Người có nhu cầu phải làm giấy yêu cầu gửi Người bảo hiểm trong đó ghi rõ các mục sau đây:
- Tên Người được bảo hiểm
 - Tên hàng hoá cần được bảo hiểm
 - Loại bao bì, cách đóng gói và kí mã hiệu của hàng hoá được bảo hiểm.
 - Trọng lượng hay số lượng hàng hoá được bảo hiểm.
 - Tên tàu biển hoặc loại phương tiện vận chuyển.
 - Cách thức xếp hàng được bảo hiểm xuống tàu (xếp trên boong, dưới hầm tàu, chở rời v.v..).
 - Nơi bắt đầu vận chuyển, chuyển tải và nơi nhận hàng hoá được bảo hiểm.
 - Ngày tháng phương tiện chở hàng bảo hiểm bắt đầu rời bến.
 - Giá trị hàng hoá được bảo hiểm và số tiền bảo hiểm.
 - Điều kiện bảo hiểm.
 - Nơi thanh toán bồi thường.

Ngoài ra, Người có nhu cầu bảo hiểm còn phải thông báo cho Người bảo hiểm những tình huống quan trọng khác mà họ biết để giúp cho Người bảo hiểm phán đoán rủi ro.

Nếu khi ký kết hợp đồng bảo hiểm mà Người có nhu cầu bảo hiểm chưa thể cung cấp đầy đủ những thông tin cần thiết kể trên thì họ có trách nhiệm thông báo tiếp cho Người bảo hiểm biết những chi tiết còn thiếu ngay khi họ được biết.

- 15.2 Hợp đồng bảo hiểm coi như đã được ký kết khi Người bảo hiểm chấp nhận bảo hiểm bằng văn bản. Người bảo hiểm sẽ căn cứ vào giấy yêu cầu bảo hiểm để cấp đơn bảo hiểm hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm.
- 15.3 Trừ khi có thoả thuận khác, Người được bảo hiểm phải thanh toán phí bảo hiểm cho Người bảo hiểm ngay khi nhận đơn bảo hiểm hay giấy chứng nhận bảo hiểm
- 15.4 Nếu sau khi hợp đồng bảo hiểm được ký kết mà có bất kỳ thay đổi nào về rủi ro được bảo hiểm, đặc biệt nếu vì thay đổi đó mà làm tăng thêm nguy hiểm thì Người được bảo hiểm có trách nhiệm thông

báo cho Người bảo hiểm biết sự thay đổi đó ngay khi họ được biết. Khi nhận được thông báo này, Người bảo hiểm sẽ cấp giấy sửa đổi, bổ sung và có thể căn cứ vào sự việc thay đổi đó mà yêu cầu Người được bảo hiểm trả thêm phí bảo hiểm.

Điều 16

Nếu Người được bảo hiểm khai báo sai hoặc giấu giếm những điểm đề ra trong giấy yêu cầu bảo hiểm hay những sự việc thay đổi đã được thông báo cho Người bảo hiểm, thì Người bảo hiểm được miễn trách nhiệm đã qui định trong hợp đồng bảo hiểm mà vẫn có quyền nhận phí bảo hiểm.

Điều 17

Đơn bảo hiểm hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm có thể được chuyển nhượng cho một người khác sau khi Người được bảo hiểm hay đại diện có thẩm quyền của họ ký ở mặt sau đơn hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm.

Điều 18

Số tiền bảo hiểm và giá trị bảo hiểm

- 18.1. Số tiền bảo hiểm của hàng hoá được bảo hiểm là số tiền do Người được bảo hiểm khai báo.
- 18.2. Giá trị bảo hiểm của hàng hoá được bảo hiểm bao gồm giá tiền hàng hoá ghi trên hoá đơn bán hàng (hoặc giá hàng thực tế tại nơi gửi hàng nếu không có hoá đơn), cộng chi phí vận chuyển và phí bảo hiểm.

Điều 19

Trừ khi có thoả thuận khác, Người được bảo hiểm có thể tính gộp cả tiền lãi ước tính vào số tiền bảo hiểm. Tuy nhiên, tiền lãi này không được vượt quá 10% giá trị bảo hiểm.

Điều 20

- 20.1 Nếu số tiền bảo hiểm của hàng hoá thấp hơn giá trị của hàng hoá được bảo hiểm thì Người bảo hiểm sẽ bồi thường những mất mát, hư hỏng và các chi phí như đã qui định ở mục 23.1 và 23.2 của điều 23 theo tỉ lệ giữa số tiền bảo hiểm và giá trị của hàng hoá bảo hiểm.
- 20.2 Nếu số tiền bảo hiểm của hàng hoá cao hơn giá trị của hàng hoá được bảo hiểm thì phần cao hơn đó không được thừa nhận.

Điều 21 - Hợp đồng bảo hiểm bao

- 21.1 Người được bảo hiểm có thể ký kết trước với Người bảo hiểm một hợp đồng bảo hiểm bao cho những hàng hoá cần được bảo hiểm, trong đó ghi rõ tên hàng được bảo hiểm, loại tàu chở hàng, cách tính giá trị bảo hiểm của hàng, số tiền bảo hiểm tối đa cho mỗi chuyến hàng, điều kiện bảo hiểm, tỉ lệ phí bảo hiểm và những điểm liên quan khác đã được thoả thuận giữa hai bên.
- 21.2 Khi bắt đầu xếp hàng lên tàu hay khi nhận được thông báo xếp hàng, Người được bảo hiểm phải thông báo cho Người bảo hiểm càng sớm càng tốt mọi tình hình mà Người bảo hiểm cần biết, tuy nhiên việc thông báo này không được làm chậm quá sau khi tàu bắt đầu dỡ lô hàng đầu tiên tại cảng đến cuối cùng ghi trên đơn bảo hiểm.
Nếu trước khi thông báo mà hàng hoá đã bị mất mát, hư hỏng thuộc phạm vi bảo hiểm thì Người bảo hiểm vẫn có trách nhiệm bồi thường. Tiền bồi thường sẽ được tính theo nguyên tắc xác định giá trị bảo hiểm như đã qui định trong hợp đồng bảo hiểm.
- 21.3 Nếu Người được bảo hiểm cố ý không thông báo hoặc thông báo không kịp thời hay sai lệch thì Người bảo hiểm có quyền kết thúc hợp đồng ngay khi phát hiện tình hình đó và thu toàn bộ số phí bảo hiểm phải trả trước khi hợp đồng kết thúc.
- 21.4 Theo yêu cầu của Người được bảo hiểm, Người bảo hiểm có thể cấp đơn bảo hiểm hay giấy chứng nhận bảo hiểm riêng cho từng chuyến hàng. Nếu nội dung của chứng từ cấp riêng này không phù hợp với nội dung hợp đồng bảo hiểm bao thì sẽ căn cứ vào chứng từ cấp riêng để giải quyết.

Chương VI

Khiếu nại

Điều 22

- 22.1 Điều khoản quyền lợi bảo hiểm: để đòi bồi thường, Người khiếu nại phải có quyền lợi trong đối tượng được bảo hiểm vào thời gian xảy ra tổn thất và đã thực sự chịu tổn thất thực tế đó.
- 22.2 Nếu hợp đồng bảo hiểm được ký kết khi đã xảy ra tổn thất trong phạm vi trách nhiệm của hợp đồng thì hợp đồng vẫn giữ nguyên giá trị, nếu Người được bảo hiểm không hay biết gì về tổn thất đó. Nhưng nếu Người được bảo hiểm đã biết có tổn thất rồi thì Người bảo hiểm sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường mà vẫn có quyền nhận phí bảo hiểm.

Nếu hợp đồng bảo hiểm được ký kết khi hàng hoá được bảo hiểm đã an toàn về đến nơi nhận ghi trong hợp đồng bảo hiểm thì hợp đồng vẫn giữ nguyên giá trị nếu Người bảo hiểm không hay biết gì về việc đó. Nhưng nếu Người bảo hiểm đã biết việc đó rồi thì hợp đồng bảo hiểm sẽ mất hiệu lực và họ phải hoàn lại cho Người được bảo hiểm toàn bộ số phí bảo hiểm mà họ đã nhận được.

22.3 Khi đòi Người bảo hiểm bồi thường về những mất mát hay hư hỏng thuộc trách nhiệm hợp đồng bảo hiểm, Người được bảo hiểm cần nộp đủ giấy tờ chứng minh, trong đó tùy trường hợp liên quan phải có:

- Bản chính đơn bảo hiểm hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm.
- Bản chính hoặc bản sao hoá đơn gửi hàng, kèm tờ kê chi tiết hàng hoá và/hoặc phiếu ghi trọng lượng.
- Bản chính của vận tải đơn và/hoặc hợp đồng chuyên chở khác loại.
- Biên bản giám định và chứng từ tài liệu khác chỉ rõ mức độ tổn thất.
- Giấy biên nhận hoặc giấy chứng nhận tàu giao hàng và phiếu ghi trọng lượng tại nơi nhận cuối cùng.
- Bản sao báo cáo hải sự và/hoặc trích sao nhật ký hàng hải.
- Công văn thư từ trao đổi với người chuyên chở và các bên khác về trách nhiệm của họ đối với tổn thất.
- Thư đòi bồi thường.
- Các chứng từ khác.

Nếu Người được bảo hiểm thiếu một trong các giấy tờ nêu trên thì tùy theo từng trường hợp mà Người bảo hiểm có thể chế tài một phần hoặc toàn bộ số tiền bồi thường

Điều 23

Dù hàng hoá được bảo hiểm theo điều kiện "A", "B" hay "C" trong mỗi trường hợp, Người bảo hiểm còn phải chịu trách nhiệm về những tổn thất và chi phí sau đây:

- 23.1 Những chi phí và tiền công hợp lý do Người được bảo hiểm, người làm công và đại lý của họ đã chi nhằm phòng tránh hoặc giảm nhẹ tổn thất cho hàng hoá được bảo hiểm để đòi bồi thường và kiện người chuyên chở, người nhận uỷ thác hàng hoá hay những người thứ ba nào khác, với điều kiện những chi phí và tiền công này phải được giới hạn trong phạm vi những tổn thất thuộc trách nhiệm Người bảo hiểm.
- 23.2 Điều khoản chi phí gửi hàng: nếu do hậu quả của một rủi ro được bảo hiểm mà hành trình bảo hiểm lại kết thúc tại một cảng hoặc một nơi không phải nơi đến có tên ghi trong đơn bảo hiểm thì Người bảo hiểm sẽ hoàn trả cho Người được bảo hiểm mọi khoản chi phí phát sinh thêm một cách hợp lý và thỏa đáng để dỡ hàng, lưu kho và gửi hàng tới nơi đến được bảo hiểm theo hợp đồng này.
Điều 23.2 này không áp dụng cho tổn thất chung hoặc chi phí cứu hộ và phải tuân theo các điểm loại trừ trong chương III và không bao gồm những chi phí phát sinh từ hành vi sai lầm, bất cẩn và tình trạng không trả được nợ hoặc thiếu thốn về tài chính của Người được bảo hiểm hay những người làm công cho họ.
- 23.3 Những chi phí hợp lý cho việc giám định và xác định số tổn thất mà Người bảo hiểm phải chịu trách nhiệm bồi thường.

Điều 24

Tổn thất toàn bộ nói trong qui tắc này bao gồm tổn thất toàn bộ thực tế và tổn thất toàn bộ ước tính.

- 24.1 Tổn thất toàn bộ thực tế: khi xảy ra mất mát hư hỏng thuộc phạm vi trách nhiệm hợp đồng bảo hiểm, nếu hàng hoá được bảo hiểm bị phá huỷ hoàn toàn hay bị hư hỏng nghiêm trọng tới mức không còn là vật phẩm với tính chất ban đầu của nó nữa hoặc Người được bảo hiểm bị mất hẳn quyền sở hữu hàng hoá thì được coi là tổn thất toàn bộ thực tế.
- 24.2 Tổn thất toàn bộ ước tính: khi hàng hoá được bảo hiểm bị mất mát hay hư hỏng thuộc phạm vi trách nhiệm hợp đồng bảo hiểm, nếu xét thấy không thể tránh khỏi tổn thất toàn bộ thực tế hoặc do các chi phí cứu hàng, chi phí chỉnh lý và gửi hàng đến nơi nhận ghi trong hợp đồng bảo hiểm có thể vượt quá giá trị hàng khi tới nơi nhận đó, thì được coi là tổn thất toàn bộ ước tính.
- 24.3 Bất kỳ trường hợp mất mát hay hư hỏng nào không thuộc loại tổn thất đã nói ở hai phần trên đều được coi là tổn thất bộ phận.
- 24.4 Nếu tàu chở hàng bị mất tích thì hàng hoá được bảo hiểm sẽ được coi là tổn thất toàn bộ thực tế. Tàu chở hàng được coi là mất tích khi không tới được bến đến và cũng không có tin tức gì, về thời gian thì đã quá ba lần quãng thời gian cần thiết cho tàu đi từ địa điểm dừng lại cuối cùng cho tới bến đến. Tuy nhiên thời gian cần thiết để xác định việc tàu mất tích không được ít hơn 3 tháng. Nếu việc thông báo tin tức bị ảnh hưởng bởi chiến tranh hoặc những hoạt động quân sự thì thời hạn nói trên được đổi thành 6 tháng.

Điều 25 - Bảo hiểm trùng

Nếu cùng một số hàng mà đem bảo hiểm với nhiều Người bảo hiểm và nếu tổng của những số tiền bảo hiểm vượt quá giá trị bảo hiểm thì trách nhiệm của tất cả những Người bảo hiểm cũng chỉ giới hạn ở giá trị bảo hiểm và trách nhiệm của mỗi Người bảo hiểm được tính theo tỉ lệ giữa số tiền bảo hiểm riêng và tổng của những số tiền bảo hiểm.

Nếu trách nhiệm bảo hiểm chưa bắt đầu thì Người được bảo hiểm có thể yêu cầu huỷ bỏ hợp đồng bảo hiểm hoặc giảm bớt số tiền bảo hiểm và đòi hoàn lại phần phí bảo hiểm tương ứng, với điều kiện trong trường hợp huỷ bỏ hợp đồng Người bảo hiểm có quyền yêu cầu Người được bảo hiểm nộp thủ tục phí.

Điều 26 - Điều khoản giá trị tăng thêm

26.1 Nếu Người được bảo hiểm ký kết bất kỳ hợp đồng bảo hiểm giá trị tăng thêm nào cho hàng hoá được bảo hiểm trong hợp đồng này thì giá trị thoả thuận của hàng hoá phải được coi như được gia tăng thành tổng số tiền bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm này cộng với số tiền bảo hiểm của tất cả các hợp đồng bảo hiểm giá trị tăng thêm cùng bảo hiểm tổn thất đó, và trách nhiệm thuộc phạm vi bảo hiểm này sẽ được tính theo tỉ lệ giữa số tiền bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm này và tổng số tiền bảo hiểm đã gia tăng.

Trường hợp có khiếu nại, Người được bảo hiểm phải cung cấp cho Người bảo hiểm bằng chứng về những số tiền bảo hiểm thuộc tất cả các đơn bảo hiểm khác.

26.2 Trường hợp bảo hiểm này bảo hiểm giá trị tăng thêm thì sẽ áp dụng điều khoản sau:
Giá trị thoả thuận của hàng hoá sẽ được xem như ngang bằng với tổng số tiền bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm chính cộng với tất cả các hợp đồng bảo hiểm giá trị tăng thêm mà Người được bảo hiểm đã ký kết cùng bảo hiểm cho tổn thất đó đối với hàng hoá, và trách nhiệm thuộc phạm vi bảo hiểm này sẽ được tính theo tỉ lệ giữa số tiền bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm này và tổng số tiền bảo hiểm đã gia tăng.

Trường hợp có khiếu nại, Người được bảo hiểm phải cung cấp cho Người bảo hiểm bằng chứng về những số tiền bảo hiểm thuộc tất cả các bảo hiểm khác.

Điều 27

Khi hàng hoá được bảo hiểm bị tổn thất bộ phận, thì số tiền bồi thường được xác định bằng tổng giá trị hàng hoá khi còn nguyên vẹn trừ đi tổng giá trị hàng hoá còn lại sau khi đã bị tổn thất tại nơi nhận hàng trên cơ sở tỉ lệ giữa số tiền bảo hiểm và giá trị bảo hiểm.

Điều 28

Trong trường hợp có tổn thất chung thuộc phạm vi trách nhiệm hợp đồng bảo hiểm thì số tiền đóng góp tổn thất chung của Người được bảo hiểm sẽ được Người bảo hiểm bồi thường lại đầy đủ. Tuy nhiên, nếu số tiền bảo hiểm của hàng hoá lại thấp hơn giá trị đóng góp tổn thất chung thì Người bảo hiểm chỉ chịu trách nhiệm bồi thường tiền đóng góp tổn thất chung theo tỉ lệ giữa số tiền bảo hiểm và giá trị đóng góp.

Điều 29

Trách nhiệm của Người bảo hiểm chỉ giới hạn ở số tiền bảo hiểm. Tuy nhiên Người bảo hiểm vẫn phải chịu trách nhiệm đối với số tiền tổn thất cộng với các chi phí cứu hộ, phí giám định, chi phí đánh giá và bán hàng hoá tổn thất, chi phí đòi người thứ ba bồi thường và tiền đóng góp tổn thất chung, dù cho tổng số tiền bồi thường như vậy có thể vượt quá số tiền bảo hiểm.

Điều 30

Người bảo hiểm có quyền được miễn mọi trách nhiệm quy định trong hợp đồng bảo hiểm bằng cách khước từ quyền lợi về hàng hoá bảo hiểm và quyền khiếu nại người thứ ba, đồng thời bồi thường cho Người được bảo hiểm toàn bộ số tiền bảo hiểm.

Khi thực hiện quyền của mình đã quy định ở trên, Người bảo hiểm phải thông báo cho Người được bảo hiểm biết trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Người được bảo hiểm về hiểm họa đã xảy ra và hậu quả của nó. Những chi phí cần thiết và hợp lý mà Người được bảo hiểm đã chi trước khi nhận được thông báo trên nhằm phòng tránh hoặc giảm nhẹ tổn thất sẽ được Người bảo hiểm bồi hoàn.

Điều 31

31.1 Sau khi kiểm tra các chứng từ có liên quan đến việc khiếu nại do Người được bảo hiểm gửi đến và đã xác nhận tổn thất, Người bảo hiểm sẽ thanh toán bồi thường cho Người được bảo hiểm.

31.2 Trừ khi có thoả thuận khác, việc thanh toán bồi thường sẽ được giải quyết bằng loại tiền quy định trong hợp đồng hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm.

- 31.3 Khi thanh toán bồi thường, Người bảo hiểm có thể khấu trừ vào tiền bồi thường các khoản thu nhập của Người được bảo hiểm trong việc bán hàng hoá cứu được và đòi người thứ ba.

Điều 32

32.1 Sau khi thanh toán bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm, mọi khoản khiếu nại và quyền khiếu nại của Người được bảo hiểm đối với những người thứ ba đều được chuyển cho Người bảo hiểm mà giới hạn là số tiền đã bồi thường.

Ngay khi nhận được tiền bồi thường của Người bảo hiểm, Người được bảo hiểm có trách nhiệm chuyển cho Người bảo hiểm mọi tài liệu và bằng chứng của họ và phải làm đầy đủ thủ tục đáp ứng yêu cầu thực hiện quyền truy đòi của Người bảo hiểm.

32.2 Nếu Người được bảo hiểm bỏ qua quyền đòi người thứ ba hoặc nếu do lỗi của họ mà không thể thực hiện được quyền này (như hết hạn gửi thư khiếu nại người chịu trách nhiệm về tổn thất v.v...), thì Người bảo hiểm sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường với một mức độ thích hợp và nếu việc bồi thường bảo hiểm đã được giải quyết thì Người được bảo hiểm có nghĩa vụ hoàn lại cho Người bảo hiểm một phần hoặc toàn bộ số tiền bồi thường mà họ đã nhận được, tùy theo từng trường hợp cụ thể.

Điều 33

Với điều kiện phải thực hiện những qui định trên, khi Người bảo hiểm bồi thường một vụ tổn thất toàn bộ, có thể bồi thường tất cả hoặc nguyên một phần hàng được bảo hiểm, Người bảo hiểm còn có quyền thu hồi những gì còn lại của phần hàng hoá đã được bồi thường theo hình thức đó.

Chương VII

Lợi ích bảo hiểm

Điều 34 - Điều khoản không áp dụng

Hợp đồng bảo hiểm không có hiệu lực đối với lợi ích của người chuyên chở, người nhận uỷ thác hàng hoá hay người bảo hiểm cháy.

Chương VIII

Giảm nhẹ tổn thất

Điều 35

Khi xảy ra mất mát hay hư hỏng thuộc phạm vi trách nhiệm hợp đồng bảo hiểm, Người được bảo hiểm phải thông báo ngay cho Người bảo hiểm hay đại lý được họ chỉ định đến giám định. Nếu Người bảo hiểm không có đại lý địa phương thì Người được bảo hiểm có thể yêu cầu giám định viên có đăng ký ở nơi đó đến giám định.

Trừ khi trước đó đã có một thỏa thuận khác, Người bảo hiểm có quyền từ chối giải quyết những vụ khiếu nại không có biên bản giám định được cấp bởi chính đại lý giám định được Người bảo hiểm chỉ định trên đơn bảo hiểm.

Điều 36 - Điều khoản nghĩa vụ của Người được bảo hiểm

36.1 Khi xảy ra mất mát hay hư hỏng thuộc phạm vi trách nhiệm hợp đồng bảo hiểm, Người được bảo hiểm hay đại lý của họ phải tiến hành mọi biện pháp có thể thực hiện được nhằm phòng tránh hoặc giảm nhẹ tổn thất cho hàng hoá được bảo hiểm. Người bảo hiểm sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường cho những mất mát hay hư hỏng xảy ra do phía Người được bảo hiểm không chấp hành đầy đủ nghĩa vụ của họ như đã qui định trong điều này.

36.2 Trong mọi trường hợp, Người được bảo hiểm hay đại lý của họ có trách nhiệm đảm bảo thực hiện và bảo lưu đầy đủ cho Người bảo hiểm quyền khiếu nại đối với Người chuyên chở, người nhận uỷ thác hàng hoá hay người thứ ba khác. Đặc biệt, họ cần làm theo những qui định sau đây:

- a/ Khiếu nại ngay người vận chuyển, chính quyền cảng hay những người nhận uỷ thác hàng về bất kỳ kiện hàng nào bị mất.
- b/ Yêu cầu đại diện người chuyên chở hay người nhận uỷ thác hàng tham gia việc chứng kiến giám định ngay khi phát hiện hàng hoá có hiện tượng mất mát hoặc hư hỏng và qua giám định nếu thấy thực tế có tổn thất thì phải lập hồ sơ khiếu nại họ.
- c/ Trừ khi đã có thư kháng nghị, trong mọi trường hợp không được cấp giấy biên nhận hoàn chỉnh cho những hàng hoá có hiện tượng nghi vấn.
- d/ Gửi giấy báo cho đại diện người chuyên chở hay người nhận uỷ thác hàng hoá trong vòng 3 ngày sau khi nhận hàng nếu tổn thất thuộc loại khó phát hiện vào thời gian nhận hàng.

Nếu Người được bảo hiểm không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ như đã qui định trong điều này thì Người bảo hiểm có quyền từ chối những khiếu nại thuộc trách nhiệm người chuyên chở, người nhận uỷ thác hàng hoá hay người thứ ba khác.

- 36.3 Khi xảy ra tổn thất thuộc phạm vi trách nhiệm của hợp đồng bảo hiểm, Người bảo hiểm có thể tự mình hoặc chỉ dẫn cho Người được bảo hiểm tham gia công việc cứu hộ và bảo vệ hàng hoá được bảo hiểm.
- 36.4 Điều khoản từ bỏ: bất kỳ biện pháp nào nói trên do Người bảo hiểm hay Người được bảo hiểm tiến hành đều không thể coi là dấu hiệu khước từ hay chấp nhận việc từ bỏ hàng hoá.

Điều 37

- 37.1 Trường hợp Người được bảo hiểm muốn khiếu nại tổn thất toàn bộ ước tính cho hàng hoá được bảo hiểm thì họ phải gửi thông báo từ bỏ hàng cho Người bảo hiểm. Nếu không thực hiện theo qui định này thì tổn thất chỉ được giải quyết theo hình thức bồi thường tổn thất bộ phận.
- 37.2 Thông báo từ bỏ hàng phải làm thành văn bản và trong mọi trường hợp phải cho biết ý định của Người được bảo hiểm là từ bỏ không điều kiện mọi quyền lợi về hàng hoá được bảo hiểm cho Người bảo hiểm.
- 37.3 Trường hợp thông báo từ bỏ hàng được gửi theo đúng qui định thì quyền khiếu nại của Người được bảo hiểm không bị phương hại bởi việc Người bảo hiểm từ chối chấp nhận từ bỏ hàng. Khi thông báo từ bỏ hàng đã được chấp nhận thì việc từ bỏ hàng không còn thay đổi khác được.

Chương IX

Tránh chậm trễ

Điều 38 - Điều khoản khẩn trương hợp lý

Người được bảo hiểm phải hành động khẩn trương hợp lý trong những tình huống có thể chủ động được và Người bảo hiểm có quyền từ chối bồi thường cho những vụ tổn thất phát sinh do Người được bảo hiểm không hoàn thành nghĩa vụ đó.

Điều 39 - Điều khoản thời hiệu khiếu nại

Quyền đòi bồi thường của Người được bảo hiểm sẽ hết hiệu lực sau 2 năm kể từ ngày phát sinh quyền đó.

Chương X

Xử lý tranh chấp

Điều 40

Bất kỳ một vụ tranh chấp nào có liên quan đến hợp đồng bảo hiểm mà không giải quyết được bằng hình thức thương lượng giữa Người được bảo hiểm và Người bảo hiểm đều phải chuyển tới Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt nam hoặc Toà án Việt Nam để xét xử theo pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Ghi chú

Người có quyền lợi có thể được bảo hiểm là người có quyền lợi trong một hành trình đường biển khi họ có mối quan hệ pháp lý hoặc mối quan hệ tương tự liên quan đến hành trình hoặc với bất cứ tài sản có thể bảo hiểm nào chịu rủi ro trong hành trình đó, mà hậu quả là người đó có thể có lợi nếu tài sản đó đến nơi an toàn hay đúng hạn, hoặc có thể bị phương hại do tài sản đó bị mất hay hư hỏng, bị cầm giữ hoặc có thể chịu trách nhiệm vì việc đó.
